

Số: 43/2026/QĐST- HNGĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2026/TLST- VHNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa những người yêu cầu sau đây:

- Anh **Kiều Bá K**, sinh ngày 12/10/1985; CCCD số 001085012595 do Bộ C cấp ngày 13/10/2025.

- Chị **Trần Thị Thu H**, sinh ngày 26/9/1992; CCCD số 001192018926 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 24/6/2021.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Hà Nội (xã Đ, huyện T cũ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 20/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội đã tiến hành lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành với nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Kiều Bá K và chị Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Kiều Bá K và chị Trần Thị Thu H có 02 con chung là cháu Kiều Gia H1, sinh ngày 17/01/2017 và cháu Kiều Gia H2, sinh ngày 11/01/2019. Hai bên thỏa thuận giao cháu Kiều Gia H1 cho anh Kiều Bá K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Kiều Gia H2 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết

định khác thay đổi.

Sau khi ly hôn, anh Kiều B K và chị Trần Thị Thu H đều có quyền, nghĩa thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Kiều B K và chị Trần Thị Thu H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Kiều B K và chị Trần Thị H cho đến khi có quyết định khác thay đổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đều xác định là không có.

- Về lệ phí: Anh Kiều Bà K1 và chị Trần Thị Thu H mỗi người chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Kiều Bà K1 và chị Trần Thị Thu H.

- Về con chung: Giao cháu Kiều Gia H1 cho anh Kiều Bá K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Kiều Gia H2 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay đổi.

Sau khi ly hôn, anh Kiều B K và chị Trần Thị Thu H đều có quyền, nghĩa thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Kiều B K và chị Trần Thị H cho đến khi có quyết định khác thay đổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Anh Kiều Bà K1 và chị Trần Thị Thu H mỗi người chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh K1, chị H đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10- Hà Nội theo các biên lai số 0000852 và số 0000853 cùng ngày 13/01/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 10 - Hà Nội;
- UBND xã Thạch Thất, TP. Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình

Sáng

- Anh **Cần Công V**, sinh ngày 27/12/1984; CCCD số 001084010722 do Bộ C cấp ngày 20/01/2025.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Hà Nội (xã P, huyện T cũ).

- Chị **Cần Thị B1**, sinh ngày 28/10/1983; CCCD số 001183034725 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 30/12/2023.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Hà Nội (xã P, huyện T cũ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Cần Công V và chị Cần Thị B1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P., huyện T, thành phố Hà Nội vào ngày 06/09/2016. Anh V, chị B1 kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn và đảm bảo về thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh, chị được xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, sau khi kết hôn anh V và chị B1 chung sống hòa thuận, yêu thương nhau. Đến tháng 5 năm 2025, anh chị phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2025 đến nay. Anh Cần Công V và chị Cần Thị B1 đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích của hôn nhân không thể đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án giải quyết, đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh V và chị B1 đã sống ly thân, tình cảm không còn. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh V, chị B1 là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Anh Cần Công V và chị Cần Thị B1 có 02 con chung là Cần Như Ý, sinh ngày 06/03/2017, Cần Hà M, sinh ngày 22/02/2019. Hai bên thỏa thuận, giao cháu Cần Như Ý và cháu Cần Hà M cho chị Cần Thị B1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay đổi.

Việc thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3]. *Về tài sản chung và nợ*: Anh Cấn Công V và chị Cấn Thị B1 đều xác định không có. Do vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. *Về lệ phí*: Anh Cấn Công V và chị Cấn Thị B1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Anh Cấn Công V và chị Cấn Thị B1.

- *Về con chung*: Giao cháu Cấn Như Ý, sinh ngày 06/03/2017 và cháu Cấn Hà M, sinh ngày 22/02/2019 cho chị Cấn Thị B1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay đổi.

Anh Cấn Công V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Cấn Công V cho đến khi có quyết định khác thay đổi.

+ *Về tài sản chung và nợ*: Không có.

+ *Về lệ phí*: Anh Cấn Công V và chị Cấn Thị B1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được đối trừ vào số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí anh Cấn Công V, chị Cấn Thị B1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002189 ngày 28/7/2025 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002207 ngày 28/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 10 - Hà Nội;
- UBND xã Thạch Thất, TP Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tất Thành